

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **209/2022/DS-ST**
- Ngày: 14/6/2022
- V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ba**

2. Ông **Lê Anh Chiến**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2022/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1970** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị B, sinh năm 1984** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu A trình bày: bà có tên thường gọi là Bé Hai, chị B có làm thảo hui, bà có tham gia góp hui của bà B như sau:

- Dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30.4.2020 âm lịch, dây hui gồm 14 phần, bà tham gia 02 phần và đóng hui sống được 12 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng. Tháng 3.2021 âm lịch, B tuyên bố vỡ hui, dây hui này chị B nợ bà 120.000.000 đồng;

- Dây hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/9/2020 âm lịch, dây hui gồm 14 phần, bà tham gia 02 phần và đóng hui sống được 07 kỳ hui sống, mỗi kỳ 4.000.000 đồng. Tháng 3.2021 âm lịch, B tuyên bố vỡ hui, dây hui này chị B nợ bà 28.000.000 đồng;

- Ngày 11/10/2020 âm lịch, chị B có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, hứa trong vòng 06 tháng trả lại;

- Ngày 13/3/2021 âm lịch, B vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng sẽ trả lại.

- Ngày 28/3/2021, B vay số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng chị B nợ bà số tiền 298.000.000 đồng. Khi chị B vỡ nợ, bà nhiều lần yêu cầu trả nợ, B không trả và kéo dài đến nay nên bà khởi kiện.

Tại phiên tòa, bà A trình bày: trước đây bà khởi kiện yêu cầu chị B trả số tiền 298.000.000 đồng, chị B thừa nhận còn nợ bà 111.000.000 đồng tiền hui và 150.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng 261.000.000 đồng, bà đồng ý. Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị B trả cho bà được 76.000.000 đồng tiền vay, còn nợ lại 74.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hui, bà yêu cầu chị B trả số tiền nợ này, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Thị B trình bày: chị có mượn bà A số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng và 02 phần hui, trong đó 02 phần hui 5.000.000 đồng nợ 90.000.000 đồng và 02 phần hui 2.000.000 đồng nợ 21.000.000 đồng, tổng cộng 111.000.000 đồng tiền hui. Tổng cộng nợ tiền vay và tiền hui còn nợ là 261.000.000 đồng.

Nay chị xin trả trước tiền vay 150.000.000 đồng, xin không trả tiền hui vì hiện còn nợ nhiều người, khi nào chị có tiền sẽ trả cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn được triệu tập hợp lệ để dự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả lại số tiền vốn đã vay là 150.000.000 đồng và 111.000.000 đồng tiền hui nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hui” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Chợ Gạo nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả lại số tiền vốn đã vay là 150.000.000 đồng và 111.000.000 đồng tiền hui. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà A cung cấp cho Tòa án bản chính “Danh sách hui viên đây hui ngày 30/4/2020, danh sách hui viên đây hui ngày 15/9/2020, giấy cho mượn tiền 13.3.2021 và giấy cho mượn tiền ngày 11.10.2020” có chữ ký và chữ viết họ, tên

của chị Nguyễn Thị B. Tại bản tự khai, chị B cũng thừa nhận có vay tiền và còn nợ bà A 150.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hụi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị B trả trước 76.000.000 đồng tiền vay, còn nợ lại 74.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hụi. Bà A thống nhất theo trình bày của chị B.

Xét thấy: chị B thừa nhận có vay tiền và còn nợ bà A 150.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hụi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị B trả trước 76.000.000 đồng tiền vay, còn nợ lại 74.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hụi. Tại phiên tòa, chị B vắng mặt, bà A xác định chị B còn nợ số tiền vay 74.000.000 đồng và 111.000.000 đồng tiền hụi là đúng. Do chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm thiệt thòi quyền lợi của bà A. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc chị B có nghĩa vụ trả cho bà A 74.000.000 đồng tiền vay và 111.000.000 đồng tiền hụi là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi: quá trình khởi kiện và tại phiên tòa, bà A không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, bà A không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về thời gian trả nợ: bà A yêu cầu chị B trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, chị B vắng mặt nhưng trong bản tự khai chị xin trả trước tiền vay, không trả tiền hụi do chị còn đang nợ nhiều người. Ý kiến của chị B không được bà A chấp nhận.

Xét thấy, chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; hơn nữa số nợ này lớn, nếu để lâu sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc chị B có nghĩa vụ trả số nợ trên cho bà A ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu A.**

1. Buộc chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu A số tiền vay 74.000.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu đồng*) và tiền hội 111.000.000 đồng (*Một trăm mười một triệu đồng*); trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Thu A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị B phải chịu 9.250.000 đồng

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu A số tiền 7.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu số 0005306 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Cc. THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, av;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

